

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2019/DS-PT
Ngày 13-11-2019
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Các thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng;

Ông Lâm Văn Be.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 322/2019/TLPT–DS ngày 17 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 309/2019/QĐPT–DS ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Trần Mai H**, sinh năm 1993; Trú tại: khu phố B, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Trần Tấn Đ**, sinh năm 1989; Trú tại: ấp Tr, xã B huyện Th, tỉnh Tây Ninh. – Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Đ: Anh **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm 1985. Trú tại: ấp Ph, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh – Là người đại diện theo ủy quyền - (Theo giấy ủy quyền ngày 30/7/2019). – Có mặt.

3. Người kháng cáo: Anh Trần Tấn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 7 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Trần Mai H trình bày:

Chị có cho anh Đ vay 330.000.000 đồng, vay nhiều lần cụ thể: lần 01: 80.000.000 đồng, lần 02: 100.000.000 đồng, lần 03: 100.000.000 đồng, lần 04: 50.000.000 đồng. Ngày 07-7-2016, anh Đ vay thêm 350.00.000 đồng, cùng ngày chị và anh Đ thống nhất lập 02 Hợp đồng vay tài sản được công chứng tại Văn Phòng Công chứng Nguyễn Gia Thôn cụ thể: Hợp đồng vay tài sản ngày 07-7-2016 anh Đ vay 350.000.000 đồng, mục đích vay kinh doanh, thời gian vay là 03 năm kể từ ngày 07-7-2016, không lãi suất, theo số công chứng 3274, quyền số 07TP/CC-SCC/HĐGD; Hợp đồng vay tài sản ngày 07-7-2016 anh Đ vay 330.000.000 đồng, mục đích vay kinh doanh, thời gian vay là 03 năm kể từ ngày 07-7-2016, không lãi suất, theo số công chứng 3275, quyền số 07TP/CC-SCC/HĐGD. Tổng cộng anh Đ vay của chị 680.000.000 đồng. Các khoản tiền trên đều không tính lãi.

Nay chị yêu cầu anh Đ phải trả cho chị là 680.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định.

**** Theo biên bản lấy lời khai ngày 16-7-2019 của anh Trần Tấn Đ và trong lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bị đơn, anh Nguyễn Hoàng L trình bày.***

Anh Đ thống nhất lời trình bày của chị H, ngày 07-7-2016 anh Đ và chị H ký 02 Hợp đồng vay tài sản tại Phòng Công chứng Nguyễn Gia Thôn với tổng số tiền vay là 680.000.000 đồng như chứng cứ chị H cung cấp là đúng. Do chị H muốn hợp tác cùng kinh doanh quảng cáo với anh Đ nên anh Đ chị H có ký 02 Hợp đồng vay tài sản nêu trên nhưng anh không có nhận tiền của chị H vì chồng của chị H là anh Võ Hồng Thuận (Nay chị H anh Thuận đã ly hôn) chưa đồng ý cùng hợp tác kinh doanh với anh. Anh Đ và chị H có thỏa thuận riêng, ký hợp đồng trước mặt anh Thuận để anh Thuận tin tưởng giao tiền cho chị H nhưng đến nay chị H, anh Thuận vẫn chưa giao tiền cho anh Đ. Anh Đ không yêu cầu chị H phải giao tiền như thỏa thuận cũng không yêu cầu chị H hủy Hợp đồng vay tài sản vì anh Đ cho rằng không giao tiền thì không làm ăn với nhau. Hợp đồng vay tài sản giữa anh và chị H không có ai khác làm chứng để biết rõ việc vay tiền, chỉ có anh Thuận là người biết rõ vì anh Thuận chưa giao tiền nhưng đã lâu không liên lạc với anh Thuận nên anh Đ không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Thuận theo yêu cầu của Tòa án. Anh Đ không có nhận tiền của chị H, chị H trình bày anh Đ đã nhận tiền là không đúng vì chị H không có giấy nhận tiền của anh Đ, việc lập Hợp đồng vay tài sản chỉ là xác lập quan hệ vay mượn tiền, chị H không có chứng cứ chứng minh anh Đ đã nhận tiền nên nay anh Đ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị H yêu cầu anh trả cho chị H 680.000.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 36/2016/DS -ST ngày 09-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Tây Ninh quyết định:

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Trần Mai H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Trần Tấn Đ

Buộc anh Trần Tấn Đ có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Trần Mai H 680.000.000 đồng tiền gốc, 11.664.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 691.664.000 đồng (Sáu trăm chín mươi một triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo.

* **Nội dung kháng cáo:** Theo đơn kháng cáo đề ngày 23-9-2019, anh Trần Tấn Đ đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Trần Mai H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Tấn Đ. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét kháng cáo của anh Trần Tấn Đ:

Anh Đ thừa nhận hai Hợp đồng vay cùng ngày 07/7/2016 với tổng số tiền vay thể hiện trên 02 hợp đồng là 680.000.000 đồng là do anh ký. Anh cho rằng giữa anh và chị H không có giao dịch tiền vay mà ký hợp đồng vay với số tiền trong hợp đồng là để đảm bảo chị H sẽ góp vốn mua máy móc, nguyên vật liệu kinh doanh quảng cáo với anh. Sau đó do có mâu thuẫn với nhau nên không thực hiện. Người đại diện của anh Đ cho rằng tại Điều 2 của các hợp đồng vay không nêu cụ thể việc giao nhận tiền nên thực chất các bên chưa giao nhận tiền. Tuy nhiên, tại Điều 02 của các hợp đồng nêu “Việc giao nhận tài sản nêu tại Điều 1 của hợp đồng này do hai bên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật”. Nội dung này không điều chỉnh vấn đề trách nhiệm giao nhận tiền. Nhưng khi ký kết hợp đồng vay thì quyền và nghĩa

vụ giữa các bên đã được xác lập. Do đó, chỉ căn cứ vào Điều 02 của các hợp đồng để cho rằng anh Đ chưa nhận tiền vay là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ. Anh Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh gì mới. Vì vậy kháng cáo của anh Đ không có cơ sở chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí phúc thẩm: kháng cáo của anh Trần Tấn Đ không được chấp nhận nên anh phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Tấn Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 36/2019/DS -ST ngày 09-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Trần Mai H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Trần Tấn Đ.

Buộc anh Trần Tấn Đ có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Trần Mai H 680.000.000 đồng tiền gốc, 11.664.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 691.664.000 đồng (Sáu trăm chín mươi một triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn đồng)

6. Án phí sơ thẩm:

Anh Trần Tấn Đ phải chịu 31.666.000 đồng (Ba mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Hoàn trả cho chị Nguyễn Trần Mai H 15.600.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013686 ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Tây Ninh.

7. Án phí phúc thẩm: Anh Trần Tấn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013969 ngày 24-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh đã nộp xong khoản tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục H;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị An Tiên

